

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang và ông Doãn Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 492/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích D, sinh năm 1990.

Cư trú: Khu 4, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1989.

Cư trú: Khu 4, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà D xin vắng mặt, ông M vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Bích D có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử bà D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích D và ông Nguyễn Văn M tự nguyện yêu thương chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2014 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận kết hôn số 31/2014, quyền số 01.

Vợ chồng bà và ông M chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Cả bà và ông M đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông M.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 07/4/2015 và cháu Nguyễn Ngọc B1, sinh ngày 15/11/2016. Hiện tại hai con chung đang ở với ông M, ly hôn bà yêu cầu ông M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung và bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà D khai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Nợ chung: Bà D khai không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông M không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, ông M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Lê Thị Bích D được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 07/4/2015 và cháu Nguyễn Ngọc B1, sinh ngày 15/11/2016 cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà Lê Thị Bích D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà D khai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà D khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Lê Thị Bích D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của bà với ông Nguyễn Văn

M vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn M nhưng ông M đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và tại phiên tòa ngày hôm nay ông M vẫn không đến tham gia. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

Bà Lê Thị Bích D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích D và ông Nguyễn Văn M kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà D xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bích D thì thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng của bà D, ông M đã xảy ra trong thời gian dài. Mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, hay cãi vã nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân hơn một năm nay. Tình cảm của bà D dành cho ông M không còn nên bà xin được ly hôn với ông M.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông M nhưng ông M không có bất cứ văn bản nào trả lời cho Tòa án về yêu cầu ly hôn của bà D. Tòa án cũng đã thông báo hòa giải để cho ông, bà có cơ hội gặp gỡ hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng ông M vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và ngày hôm nay ông M cũng vắng mặt không có lý do. Thể hiện bản thân ông M cũng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình với bà D. Tại Biên bản xác M ngày 23/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T cũng thể hiện vợ chồng bà D, ông M chung sống không hạnh phúc, thường cãi chửi lẫn nhau. Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà D, ông M không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà D, ông M đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của bà D về việc yêu cầu ly hôn với ông M.

2.2. Về con chung: Thực tế hiện nay cả 02 cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 07/4/2015 và cháu Nguyễn Ngọc B1, sinh ngày 15/11/2016 đang ở cùng với ông Nguyễn Văn M. Qua xác M tại địa phương thể hiện ông M có nhà ở ổn định, từ trước đến nay ông M nuôi con đảm bảo tốt về mọi mặt cho các con chung (BL 20). Mặt khác, bà D cũng đồng ý để ông M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con chung. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu Bích, cháu Bảo nên Hội đồng xét xử giao cho ông Nguyễn Văn M được trực tiếp nuôi cả 02 con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2.2. Bà D khai không cấp dưỡng nuôi hai con chung, ông M cũng không có ý kiến về việc yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Bà D khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích D. Cho bà Lê Thị Bích D được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 07/4/2015 và cháu Nguyễn Ngọc B1, sinh ngày 15/11/2016 cho bà Lê Thị Bích D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời bà Lê Thị Bích D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của bà Lê Thị Bích D.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà D khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Bích D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ly đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000015 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Ly đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Bích D và ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã B, huyện T (Giấy đăng ký kết hôn ngày 02/4/2014, số 31/BS, quyền số 01/2014);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Như Quỳnh